TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2017
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn V Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lãnh Văn Việt.

2. Bà: Vũ Thị Mai.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 tháng 2017 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**: Anh Đỗ Văn T - Sinh năm 1990.*

- Nơi cư trú: Thôn C - xã ND - huyện LN - tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

**** Bị đơn**: Chị Lâm Thị N - Sinh năm 1994.*

- Nơi cư trú: Thôn C - xã ND - huyện LN - tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2017 và những lời khai của nguyên đơn anh Đỗ Văn T, lời khai của bị đơn chị Lâm Thị N và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Anh Đỗ Văn T và chị Lâm Thị N kết hôn vào tháng 11 năm 2013. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Anh T chị N có đến Ủy ban nhân dân xã ND, huyện LN đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh T chị N về chung

sống cùng nhau ngay ở cùng với gia đình anh T tại thôn C - xã ND - huyện LN - tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, tuổi trẻ chưa tìm hiểu nhau kỹ, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị N cho rằng anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ tháng 3/2014 chị N bế con về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn CV, xã K, huyện LN, tỉnh Bắc Giang sinh sống, anh T chị N sống ly thân từ tháng 3/2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên có liên lạc để níu kéo tình cảm nhưng không có kết quả. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị N không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Chị N xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh T, anh T xin ly hôn chị không đồng ý, nếu anh T kiên quyết ly hôn với chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T chị N có 01 con chung là cháu Đỗ Quốc V, sinh ngày 21/10/2013. Hiện đang do chị N nuôi dưỡng chăm sóc. Vợ chồng ly hôn chị N đề nghị được nuôi dưỡng cháu V và đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V trưởng thành. Anh T đồng ý để chị N nuôi cháu V và đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T chị N đều xác nhận không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên Tòa anh T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, giải quyết việc nuôi con chung. Chị N không đồng ý ly hôn với anh T. Nếu anh T kiên quyết ly hôn với chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và nhận nuôi con chung, đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị với mức 500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung trưởng thành. Anh T đồng ý để chị N nuôi con chung và đồng ý cấp dưỡng 500.000 đồng/ tháng cho chị N nuôi con.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71. 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh T. Cho anh Đỗ Văn T được ly hôn với chị Lâm Thị N.

Giao cho chị Lâm Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đỗ Văn V. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N với mức 500.000 đồng/tháng từ tháng 1/2018 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với chị Lâm Thị N. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T chị N tự nguyện tìm hiểu và kết kết hôn với nhau vào năm 2013 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ND, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh T làm đơn xin ly hôn chị N không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy anh T chị N đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, trong quá trình sống ly thân hai bên có liên lạc níu kéo nhưng không có kết quả, vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai, tình cảm hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng anh T kiên quyết xin ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Văn T đối với chị lâm Thị N.

[3] Về con chung:

Anh T chị N có 01 con chung là: Đỗ Quốc V, sinh ngày 21/10/2013. Vợ chồng ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu V và đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/tháng từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu V trưởng thành. Anh T đồng ý để chị N nuôi dưỡng cháu V và đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận này của anh T Chị N, giao cháu Đỗ Quốc V cho chị N nuôi đưỡng là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N với mức cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn T. Cho anh Đỗ Văn T được ly hôn với chị Lâm Thị N.

2. Giao cho chị Lâm Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đỗ Quốc V, sinh ngày 21/10/2013. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N với mức cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh Đỗ Văn T được quyền đi lại thăm nuôi cháu V không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đỗ văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003115 ngày 01/11/2017. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã ND, huyện LN;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn V Hùng